

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **2080** /SGDDĐT-GDTrH

Quảng Ngãi, ngày **11** tháng 11 năm 2021

V/v ban hành cấu trúc đề thi HSG  
cấp tỉnh bậc trung học năm học  
2021-2022

Kính gửi:

- Các trường trung học phổ thông;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện kế hoạch năm học 2021-2022, đồng thời để các đơn vị chủ động trong việc ôn tập cho học sinh dự thi kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn như sau:

1. Nội dung, cấu trúc đề thi học sinh giỏi các môn năm học 2021-2022: theo Phụ lục I và Phụ lục II đính kèm.

2. Nội dung giảm tải, thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 1633/SGDDĐT-GDTrH ngày 20/9/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo; đối với đề thi chọn học sinh giỏi lớp 9, những nội dung kiến thức của lớp 6 thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông được quy định tại Quyết định số 16/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị triển khai thực hiện./. *Ths*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Công thông tin điện tử ngành;
- Lưu: VT, GDTrH, httho.



**GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Ngọc Thái*  
**Nguyễn Ngọc Thái**



## Phụ lục I

# NỘI DUNG VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9

(Kèm theo Công văn số 2080 /SGDDT-GDTrH ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

## I. MÔN TOÁN LỚP 9

### A. SỐ HỌC

- Số chính phương; số nguyên tố; hợp số.
- Phương trình nghiệm nguyên.
- Phép chia hết; phép chia có dư.
- Ước và bội của hai hay nhiều số.
- Tìm số tự nhiên theo điều kiện cho trước.
- Các bài toán suy luận logic, nguyên lý Di-rich-lê.

(Theo chương trình Số học THCS nâng cao, lưu ý thêm các bài toán thực tế)

### B. ĐẠI SỐ

- Căn thức: Rút gọn căn thức, tìm giá trị của biến thoả mãn điều kiện cho trước, tìm các giá trị nguyên của biến để biểu thức nhận giá trị nguyên.
- Phương trình và hệ phương trình: Phương trình nghiệm nguyên, phương trình vô tỉ, phương trình bậc hai một ẩn, hệ thức Vi-et, phương trình đưa được về dạng phương trình bậc hai. Phương trình đối xứng, phương trình có chứa dấu giá trị tuyệt đối, phương trình dạng bậc cao đặc biệt. Hệ phương trình: bậc nhất có hai ẩn; bậc hai có hai ẩn.
- Bất đẳng thức, bất phương trình: các phương pháp chứng minh bất đẳng thức và bất phương trình, bất đẳng thức Cô-si và ứng dụng. Các bài toán về giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất.
- Hàm số và đồ thị: Xác định hàm số thoả mãn tính chất cho trước, sự tương giao giữa các đồ thị bậc nhất và bậc hai.

- Biến đổi đồng nhất và cực trị: đa thức; phân thức; căn thức, các bài toán biến đổi đồng nhất, bài toán tìm giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất.

(Theo chương trình Đại số THCS nâng cao, lưu ý thêm các bài toán thực tế)

### C. HÌNH HỌC

- Các bài toán hình học liên quan thực tế.
- Hệ thức lượng, tỉ số lượng giác: các hệ thức lượng trong tam giác vuông, tính độ dài đoạn thẳng; diện tích tam giác; số đo góc.
- Phần đường tròn: Tứ giác nội tiếp, các loại góc với đường tròn, tính được độ dài cung, diện tích hình tròn, quạt tròn.
- Toán tìm tập hợp điểm: Xác định vị trí của điểm, vị trí của đường thoả mãn tính chất cho trước.
- Các dạng toán chứng minh, tính toán: Chứng minh đẳng thức hình học, biểu thức hình học có giá trị không đổi, chứng minh đường thẳng, đường tròn đi qua điểm cố định.

Vẽ thêm yếu tố phụ để giải toán hình học, biết tìm cực trị hình học. Các mối quan hệ song song; quan hệ vuông góc; quan hệ bằng nhau. Quan hệ giữa đường thẳng với đường thẳng; đường thẳng với đường tròn; đường tròn với đường tròn.

- Bất đẳng thức hình học và cực trị hình học.

(Theo chương trình Hình học THCS nâng cao, lưu ý thêm các bài toán thực tế)

#### **D. BÀI TOÁN SUY LUẬN**

- Nguyên tắc Di-rich-lê.
- Các bài toán suy luận logic.
- Các bài toán phối hợp giữa Hình học, Đại số và Số học.
- Các bài toán thực tế, liên môn.

#### **CẤU TRÚC ĐỀ THI (Đề thi gồm có 5 bài)**

Thời gian làm bài: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

**Bài 1:** (4,0 điểm) Số học.

*Chọn một hoặc một số trong các chủ đề:*

- Số chính phương; số nguyên tố; hợp số.
- Phép chia hết; phép chia có dư.
- Ước và bội của hai hay nhiều số.
- Phương trình nghiệm nguyên.
- Tìm số tự nhiên theo điều kiện cho trước.
- Các bài toán thực tế, liên môn.

**Bài 2:** (4,0 điểm) Phương trình, hệ phương trình .

*Chọn một hoặc một số trong các chủ đề:*

- Phương trình; hệ phương trình.
- Phương trình quy về bậc hai.
- Phương trình, hệ phương trình có chứa tham số.
- Hệ thức Vi-et và các ứng dụng.

**Bài 3:** (4,0 điểm) Biến đổi đồng nhất và hàm số.

*Chọn một hoặc một số trong các chủ đề:*

- Căn bậc hai, bậc ba; các phép tính về căn thức;
- Rút gọn; chứng minh đẳng thức.
- Các bài toán về hàm số và đồ thị.
- Bất đẳng thức; giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất.
- Các bài toán thực tế, liên môn.

**Bài 4:** (7,0 điểm) Hình học.

a) (2,0 điểm) Các bài toán thực tế, liên môn.

b) (5,0 điểm) Bài toán hình tổng hợp.

Chọn một hoặc một số trong các chủ đề:

- Các bài toán về chứng minh.
- Các bài toán về tính toán.
- Xác định vị trí của điểm, của đường thỏa mãn tính chất cho trước.
- Bất đẳng thức Hình học và cực trị Hình học.

**Bài 5:** (1,0 điểm) Bài toán nâng cao cấp THCS.

## II. MÔN VẬT LÝ

TT	Nội dung	Điểm	Số câu
1	Cơ học	4,0	1
2	Nhiệt học	3,0	1
3	Điện học – Điện từ học	7,0	2
4	Quang học	4,0	1
5	Thực nghiệm	2,0	1
<b>Tổng</b>		<b>20</b>	<b>6</b>

### Những nội dung trọng tâm

#### I. Cơ học

1. Chuyển động cơ học

- Chuyển động đều: Tính vận tốc, quãng đường, thời gian chuyển động.
- Chuyển động không đều: Tính vận tốc trung bình, quãng đường, thời gian chuyển động.

2. Áp suất, áp lực.

3. Áp suất chất lỏng, lực đẩy Ác-si-met trong chất lỏng, điều kiện nổi của vật, máy nén thủy lực.

4. Các máy cơ đơn giản.

5. Công cơ học, công suất.

#### II. Nhiệt học

1. Công thức tính nhiệt lượng: Bài tập vận dụng công thức tính nhiệt lượng.

2. Phương trình cân bằng nhiệt: Bài tập vận dụng phương trình cân bằng nhiệt.

#### III. Điện học- Điện từ học

1. Định luật Ôm cho một đoạn mạch.

2. Đoạn mạch nối tiếp, đoạn mạch song song, mạch điện hỗn hợp.

3. Mạch điện có biến trở.

4. Công suất điện: tính công suất tiêu thụ của dụng cụ điện, bài tập cực trị về công suất.

5. Công của dòng điện, hiệu suất của mạch điện.

6. Định luật Jun – Lenxơ.

7. Truyền tải điện năng đi xa.

8. Máy biến thế.

#### IV. Quang học

1. Sự truyền thẳng của ánh sáng: vùng bóng tối, vùng nửa tối.
2. Sự phản xạ ánh sáng trên gương phẳng, hệ gương phẳng.
3. Bài tập về thấu kính hội tụ, thấu kính phân kì, hệ thấu kính, hệ Thấu kính – Gương phẳng.

### III. HÓA HỌC

TT	Nội dung	Số điểm	Ghi chú
1	Nhận biết, phân biệt, tách, tinh chế các chất vô cơ	2,0	Nội dung đề thi trong chương trình hóa học lớp 8 và lớp 9 (chương trình giới hạn đến phần Hidrocacbon ); không ra đề vào nội dung giảm tải.
2	Viết phương trình hóa học giải thích hiện tượng, tiến trình thí nghiệm	2,0	
3	Điều chế chất vô cơ, thực hiện sơ đồ chuyển hóa chất vô cơ	2,0	
4	Bài tập về độ tan, nồng độ dung dịch, tỉ khối; Bài tập cấu tạo nguyên tử.	2,0	
5	Bài tập định lượng về xác định chất vô cơ	2,0	
6	Bài tập định lượng về: Oxit, Axit, Bazơ, Muối;	2,0	
7	Bài tập định lượng về kim loại, phi kim	2,0	
8	Bài tập tổng hợp kiến thức hóa vô cơ	2,0	
9	Nhận biết, phân biệt, tách; điều chế chất hữu cơ, thực hiện sơ đồ chuyển hóa chất hữu cơ (hidrocacbon)	2,0	
10	Bài tập về hidrocacbon hoặc bài tập tổng hợp về hidrocacbon.	2,0	
<b>Tổng</b>		<b>20 điểm</b>	

### IV. SINH HỌC

TT	Nội dung	Số điểm	Ghi chú
1	<b>Các qui luật di truyền:</b> - Lý thuyết - Bài tập	2,0	
		2,0	
2	<b>Nhiễm sắc thể</b> - Lý thuyết - Bài tập	1,5	
		2,5	
3	<b>ADN</b> - Lý thuyết - Bài tập	1,5	
		2,5	
4	<b>Biến dị</b> - Lý thuyết - Bài tập	1,0	
		1,0	
5	<b>Di truyền học người</b>	2,0	
6	<b>Sinh thái</b> - Lý thuyết - Bài tập	2,0	
		2,0	
<b>Tổng cộng</b>		<b>20 điểm</b>	

## V. NGỮ VĂN

**Câu 1.** Nghị luận xã hội (8,0 điểm)

**Câu 2.** Nghị luận văn học (12,0 điểm)

Lưu ý: Nội dung chương trình phải đảm bảo phù hợp với kiến thức, trình độ, năng lực của học sinh lớp 9 theo chương trình hiện hành tính đến thời điểm tổ chức thi (không bao gồm các nội dung đã được giảm tải).

## VI. LỊCH SỬ

TT	Nội dung	Số điểm	Ghi chú
1	Câu 1. Lịch sử Việt Nam (lớp 6, 7)	4,0	
2	Câu 2. Lịch sử thế giới (lớp 7, 8)	4,0	
3	Câu 3. Lịch sử Việt Nam (lớp 9)	4,0	
4	Câu 4. Lịch sử Việt Nam (lớp 9)	4,0	
5	Câu 5. Lịch sử thế giới (lớp 9)	4,0	

## VII. ĐỊA LÍ

T	Nội dung thi	Điểm	Số câu
1	* Lớp 6 - Trái đất - Các thành phần tự nhiên của Trái Đất	4	1
2	* Lớp 8: Địa lí Việt Nam	7	2
3	* Lớp 9: Địa lí Việt Nam (tiếp theo) - Địa lí dân cư - Địa lí kinh tế - Sự phân hoá lãnh thổ	9	2
4	Kĩ năng xử lí số liệu; vẽ biểu đồ, nhận xét, giải thích về các nội dung trên		

## VIII. TIẾNG ANH

**Phần I. Cấu trúc đề thi viết – Thời gian: 17 điểm**

(Thí sinh làm bài trực tiếp trên đề thi)

PART A: LISTENING (4.0 pts)

Tổng số câu: 20 câu

Gồm các phần:

Section I:

Section II:

Section III:

(Lưu ý: gồm 3 dạng khác nhau; số lần nghe bài nghe của mỗi phần là 2 lần, mỗi lần cách nhau 10 giây)

PART B: USE OF ENGLISH (3.0 pts)

Tổng số câu: 15 câu

Gồm các phần:

Section I:

Section II:

*(Lưu ý: gồm 2 dạng khác nhau)*

PART C: READING (5.0 pts)

Tổng số câu: 25 câu

Gồm các phần:

Section I:

Section II:

Section III:

*(Lưu ý: gồm 3 dạng khác nhau)*

PART D: WRITING (5.0 pts)

Gồm các phần dưới dạng bài viết:

Section I:

Section II:

*Lưu ý: Cần chú trọng vào dạng viết theo chủ đề.*

### **Phần II. Phần thi kỹ năng Nói (3.0 pts)**

Thí sinh bốc thăm chọn một chủ đề, sau đó có thời gian chuẩn bị và trình bày phần thi Nói. Trình tự như sau:

- Bốc thăm chọn chủ đề Nói
- Thời gian chuẩn bị: 05 phút
- Thời gian trình bày tối đa 03 phút, phần trình bày của thí sinh được thu âm trực tiếp

### **Phần III. Yêu cầu về nội dung chương trình và hình thức đề thi**

1. Nội dung chương trình: Đảm bảo phù hợp với kiến thức, trình độ, năng lực tiếng Anh của học sinh lớp 9 tính đến thời điểm tổ chức thi (*không bao gồm các nội dung đã được giảm tải*).

2. Hình thức đề thi viết: Gồm hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan.

## Phụ lục II

### NỘI DUNG VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 11, 12

(Kèm theo Công văn số 2490/SGDDĐT-GDTrH ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

#### I. MÔN TOÁN

##### 1. Khối 11

TT	Nội dung	Điểm	Ghi chú
1	<b>Nội dung bao gồm các vấn đề sau:</b> - Phương trình lượng giác. - Phương trình, bất phương trình, hệ phương trình (kể cả loại chứa tham số).	5,0	Phổ thông
2	<b>Nội dung bao gồm các vấn đề sau:</b> - Bài toán đếm, xác suất, nhị thức Niu – tơn. - Bài toán về hàm số, hàm số liên tục và các bài toán liên quan. - Dãy số, cấp số cộng, cấp số nhân.	5,0	Phổ thông
3	<b>Hình học không gian.</b>	5,0	Phổ thông
4	<b>Nội dung bao gồm các vấn đề sau:</b> - Tìm số hạng tổng quát của dãy số, giới hạn. - Phương trình hàm không liên tục hoặc số học. - Bài toán bất đẳng thức.	5,0	

##### 2. Khối 12

TT	Nội dung	Điểm	Ghi chú
1	<b>Phương trình, hệ phương trình, bất phương trình mũ và logarit :</b> - Giải phương trình, hệ phương trình, bất phương trình. - Phương trình hoặc bất phương trình chứa tham số.	5,0	
2	<b>Nội dung bao gồm các vấn đề sau:</b> - Bài toán liên quan đến hàm số và đồ thị của hàm số. - Bài toán liên quan đến hàm số hợp - Bài toán thực tế	6,0	
3	<b>Hình học không gian:</b> - Thể tích, khoảng cách, góc... - Cực trị hình học không gian.	5,0	
4	<b>Tổ hợp – Xác suất: Chọn một trong các nội dung sau:</b> - Bài toán đếm, - Bài toán xác suất, - Nhị thức Niu – tơn.	2,0	
5	<b>Bài toán GTLN, GTNN của hàm nhiều biến.</b>	2,0	



## II. VẬT LÝ

### 1. Vật lí 11

TT	Nội dung	Điểm	Số câu
1	Cơ học: Các định luật bảo toàn	5,0	1
2	Nhiệt học: Chất khí	4,0	1
3	Điện học: Dòng điện không đổi	5,0	1
4	Điện từ học: Cảm ứng điện từ	3,0	1
5	Quang hình học	3,0	1
<b>Tổng</b>		<b>20</b>	<b>5</b>

### 2. Khối 12

TT	Nội dung	Điểm	Số câu
1	Dao động cơ: Con lắc lò xo	5,0	1
2	Sóng cơ: Giao thoa sóng	5,0	1
3	Nhiệt học: Chất khí	3,0	1
4	Dòng điện xoay chiều	4,0	1
5	Quang hình học: Thấu kính mỏng	3,0	1
<b>Tổng</b>		<b>20</b>	<b>5</b>

## III. HÓA HỌC

### 1. Khối 11

TT	Nội dung	Điểm
1	Nguyên tử (có thể có thêm phần obitan nguyên tử); Bảng tuần hoàn hoàn (có thể có thêm phần năng lượng ion hóa ; nguyên tố nhóm B); Liên kết hóa học (có thể bổ sung thuyết lai hóa, lý thuyết Vsepr để giải thích dạng hình học phân tử)	2,0
2	Lý thuyết phản về ứng hóa học; Sự điện li (Có thể bổ sung phần hằng số phân li axit, hằng số phân li bazơ, pH hệ đệm của đơn axit)	2,0
3	Nhóm VIIA, VIA	2,0
4	Nhóm VA, IVA	2,0
5	Bài tập tổng hợp vô cơ	2,0
6	Đại cương hóa học hữu cơ	2,0
7	Hidrocarbon	2,0
8	Dẫn xuất halogen, ancol, phenol	2,0
9	Bài tập tổng hợp hữu cơ (Có thể bổ sung phản ứng ozon phân và oxi hóa bởi tác nhân $KMnO_4$ để xác định cấu tạo hợp chất hữu cơ)	2,0
10	Thực hành (nhận biết, tách chất, giải thích hiện tượng,...)	2,0
<b>Tổng</b>		<b>20 điểm</b>

## 2. Khối 12

TT	Nội dung	Điểm
1	Nguyên tử (có thể có thêm phần obitan nguyên tử); Bảng tuần hoàn hoàn (có thể có thêm phần năng lượng ion hóa; nguyên tố nhóm B); Liên kết hóa học (có thể bổ sung thuyết lai hóa, lý thuyết Vsepr để giải thích dạng hình học phân tử)	2,0
2	Lý thuyết phản ứng hóa học; Sự điện li (có thể bổ sung phần hằng số phân li axit, hằng số phân li bazơ, pH hệ đệm của đơn axit)	2,0
3	Nhóm VIIA, VIA, VA, IVA	2,0
4	Bài tập tổng hợp vô cơ	2,0
5	Đại cương hóa học hữu cơ; Hidrocacbon no; Hidrocacbon không no; Hidrocacbon thơm. Nguồn HC thiên nhiên	2,0
6	Ancol, phenol; Andehit-Xeton (có thể có thêm phản ứng của andehit với dung dịch brom và phản ứng với $\text{Cu(OH)}_2$ đun nóng tạo kết tủa đỏ gạch $\text{Cu}_2\text{O}$ ; phản ứng xeton); Axit cacboxylic	2,0
7	Este-Lipit (có thể thêm phần este đa chức); Cacbohidrat (có thể có thêm phản ứng của glucozo với dung dịch brom và phản ứng với $\text{Cu(OH)}_2$ đun nóng tạo kết tủa đỏ gạch $\text{Cu}_2\text{O}$ )	2,0
8	Amin-Amino axit-Protein; Polime-Vật liệu polime	2,0
9	Bài tập tổng hợp hữu cơ	2,0
10	Thực hành(nhận biết, tách chất, giải thích hiện tượng,...)	2,0
<b>Tổng</b>		<b>20 điểm</b>

## IV. SINH HỌC

## 1. Khối 11

TT	Nội dung	Số điểm	Ghi chú
1	<b>Vi sinh vật</b>	2	Không ra câu hỏi mức độ VDC
2	<b>Sinh lý thực vật</b> - Chuyển hóa vật chất và năng lượng - Sinh trưởng, phát triển	2 2	Câu hỏi có đủ các nội dung kiến thức
3	<b>Sinh lý động vật</b> - Tiêu hóa, hô hấp - Tuần hoàn, cân bằng nội môi - Sinh trưởng, phát triển, sinh sản	1,5 1,5 1	Câu hỏi có đủ các nội dung kiến thức
4	<b>Di truyền và biến dị cấp phân tử</b>	3	
5	<b>Di truyền và biến dị cấp tế</b>		Các qui luật di truyền

	<b>bào</b> - Phân bào, biến dị cấp tế bào - Qui luật di truyền	3 2	gồm: qui luật phân li, phân li độc lập và liên kết gen.
6	<b>Sinh thái</b>	2	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>20 điểm</b>	

## 2. Khối 12

TT	Nội dung	Số điểm	Ghi chú
1	<b>Sinh lý thực vật</b> - Trao đổi nước và khoáng - Quang hợp, hô hấp	1 1	
2	<b>Sinh lý động vật</b> - Tiêu hóa, hô hấp - Tuần hoàn, cân bằng nội môi	1 1	Câu hỏi có đủ các nội dung kiến thức
3	<b>Sinh thái: quần xã và hệ sinh thái</b>	2	Câu hỏi có đủ các nội dung kiến thức
4	<b>Di truyền và biến dị:</b> - Di truyền và biến dị cấp phân tử - Di truyền và biến dị cấp tế bào - Qui luật di truyền - Di truyền học quần thể và di truyền học người	3 3 4 3	
5	<b>Tiến hóa: Các nhân tố tiến hóa</b>	1	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>20 điểm</b>	

## V. NGỮ VĂN

### 1. Khối 11

**Đề thi gồm 2 câu:**

**Câu 1.** Nghị luận xã hội (8,0 điểm)

**Câu 2.** Nghị luận văn học (12,0 điểm)

Lưu ý: Nội dung chương trình phải đảm bảo phù hợp với kiến thức, trình độ, năng lực của học sinh lớp 11 theo chương trình hiện hành tính đến thời điểm tổ chức thi (không bao gồm các nội dung đã được giảm tải).

### 2. Khối 12

**Đề thi gồm 2 câu:**

**Câu 1.** Nghị luận xã hội (8,0 điểm)

**Câu 2.** Nghị luận văn học (12,0 điểm)

Lưu ý: Nội dung chương trình phải đảm bảo phù hợp với kiến thức, trình độ, năng lực của học sinh lớp 12 theo chương trình hiện hành tính đến thời điểm tổ chức thi (không bao gồm các nội dung đã được giảm tải).

## VI. LỊCH SỬ

### 1. Lớp 11

TT	Nội dung	Số điểm	Ghi chú
1	Câu 1. Lịch sử Việt Nam (lớp 10)	2,5	
2	Câu 2. Lịch sử thế giới (lớp 11)	2,5	
3	Câu 3. Lịch sử Việt Nam (lớp 10)	3,0	
4	Câu 4. Lịch sử Việt Nam (lớp 10)	3,0	
5	Câu 5. Lịch sử Việt Nam (lớp 11)	3,0	
6	Câu 6. Lịch sử Việt Nam (lớp 11)	3,0	
7	Câu 7. Lịch sử thế giới (lớp 11)	3,0	

### 2. Lớp 12

TT	Nội dung	Số điểm	Ghi chú
1	Câu 1. Lịch sử Việt Nam (lớp 10)	2,5	
2	Câu 2. Lịch sử thế giới (lớp 12)	2,5	
3	Câu 3. Lịch sử Việt Nam (lớp 11)	3,0	
4	Câu 4. Lịch sử Việt Nam (lớp 12)	3,0	
5	Câu 5. Lịch sử Việt Nam (lớp 12)	3,0	
6	Câu 6. Lịch sử Việt Nam (lớp 12)	3,0	
7	Câu 7. Lịch sử thế giới (lớp 12)	3,0	

## VII. ĐỊA LÍ

### 1. Khối 11

TT	Nội dung	Số điểm	Số câu
1	Địa lí tự nhiên đại cương	5	2
	- Hệ quả các chuyển động của Trái Đất		
	- Các quyển của lớp vỏ Địa lí		
	- Một số qui luật của lớp vỏ Địa lí		
2	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương	3	1
3	Khái quát kinh tế - xã hội thế giới	3	1
	Địa lí khu vực - quốc gia	9	3
5	Kĩ năng xử lí số liệu; vẽ biểu đồ, nhận xét, giải thích về các nội dung trên		

## 2. Khối 12

TT	Nội dung	Số điểm	Số câu
1	Địa lí tự nhiên đại cương	5	2
	- Hệ quả các chuyển động của Trái Đất		
	- Các quyển của lớp vỏ Địa lí		
	- Một số qui luật của lớp vỏ Địa lí		
2	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương	3	1
3	Địa lí tự nhiên Việt Nam	9	3
4	Địa lí dân cư Việt Nam	3	1
5	Kĩ năng xử lí số liệu; vẽ biểu đồ, nhận xét, giải thích về các nội dung trên		

## VIII. TIẾNG ANH

### 1. Khối 11

#### Phần I. Cấu trúc đề thi viết - 18 điểm

(Thí sinh làm bài trực tiếp trên đề thi)

PART A: LISTENING (5.0 pts)

Tổng số câu: 25 → 30 câu

Gồm các phần:

Section I:

Section II:

Section III:

(Lưu ý: gồm 3 dạng khác nhau; số lần nghe bài nghe của mỗi phần là 2 lần, mỗi lần cách nhau 10 giây)

PART B: LEXICO – GRAMMAR (2.0 pts)

Tổng số câu: 15 → 20 câu

Gồm các phần:

Section I:

Section II:

(Lưu ý: gồm 02 dạng khác nhau)

PART C: READING (5.0 pts)

Tổng số câu: 30 câu

Gồm các phần:

Section I:

Section II:

Section III:

(Lưu ý: gồm 3 dạng khác nhau)

PART D: WRITING (6.0 pts)

Gồm các phần dưới dạng bài viết:

Section I:

Section II:

Lưu ý: Cần chú trọng vào dạng viết theo chủ đề

(Tổng số trang của đề thi kể cả phần làm bài của thí sinh không vượt quá 13 trang giấy A4)

#### Phần II. Phần thi kỹ năng Nói (2.0 điểm)

Thí sinh bốc thăm chọn một chủ đề, sau đó có thời gian chuẩn bị và trình bày phần thi Nói. Trình tự như sau:

- Bốc thăm chọn chủ đề Nói
- Thời gian chuẩn bị: 05 phút
- Thời gian trình bày tối đa 03 phút, phần trình bày của thí sinh được thu âm trực tiếp.

### **Phần III. Yêu cầu về nội dung chương trình và hình thức đề thi**

- Nội dung chương trình: Đảm bảo phù hợp với kiến thức, trình độ, năng lực tiếng Anh của học sinh lớp 11 tính đến thời điểm tổ chức thi (*không bao gồm các nội dung đã được giảm tải*).

- Hình thức đề thi viết: Gồm hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan.

## **2. Khối 12**

### **Phần I. Cấu trúc đề thi viết – 20 điểm**

*(Thí sinh làm bài trực tiếp trên đề thi)*

PART A: LISTENING (5.0 pts)

Tổng số câu: 25 câu

Gồm các phần:

Section I:

Section II:

Section III:

*(Lưu ý: gồm 3 dạng khác nhau; số lần nghe bài nghe của mỗi phần là 2 lần, mỗi lần cách nhau 10 giây)*

PART B: LEXICO – GRAMMAR (3.0 pts)

Tổng số câu: 30 câu

Gồm các phần:

Section I:

Section II:

*(Lưu ý: gồm 2 dạng khác nhau)*

PART C: READING (6.0 pts)

Tổng số câu: 30 câu

Gồm các phần:

Section I:

Section II:

Section III:

*(Lưu ý: gồm 3 dạng khác nhau)*

PART D: WRITING (6.0 pts)

Gồm các phần dưới dạng bài viết:

Section I:

Section II:

*Lưu ý: Cần chú trọng vào dạng viết theo chủ đề.*

*(Tổng số trang của đề thi kể cả phần làm bài của thí sinh không vượt quá 14 trang giấy A4)*

### **Phần II. Yêu cầu về nội dung chương trình và hình thức đề thi**

1. Nội dung chương trình: Đảm bảo phù hợp với kiến thức, trình độ, năng lực tiếng Anh của học sinh lớp 12 tính đến thời điểm tổ chức thi (*không bao gồm các nội dung đã được giảm tải*).

2. Hình thức đề thi viết: Gồm hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan.

## **IX. TIN HỌC**

### **1. Khối 11**

Đề thi chọn học sinh giỏi môn tin học được ra dưới dạng lập chương trình Pascal hoặc C++ để giải các bài toán. Đề thi gồm có 3 bài, được phân bố như sau:

**Bài 1. (7 điểm):**

Kiểm tra các kỹ năng cơ bản về lập trình, hiểu biết các câu lệnh của ngôn ngữ lập trình để giải quyết bài toán.

**Bài 2. (7 điểm):**

Kiểm tra các kỹ năng cơ bản về lập trình, hiểu biết về cấu trúc dữ liệu trong ngôn ngữ lập trình, giải quyết bài toán không đòi hỏi các giải thuật đặc biệt.

**Bài 3. (6 điểm):**

Áp dụng các thuật toán cơ bản như sắp xếp, tìm kiếm hoặc bài toán không đòi hỏi các thuật toán đặc biệt nhưng phải lập trình phức tạp hơn bài 1, bài 2.

## **2. Khối 12**

Đề thi chọn học sinh giỏi môn tin học được ra dưới dạng lập chương trình Pascal hoặc C++ để giải các bài toán. Đề thi gồm có 4 bài, được phân bố như sau:

**Bài 1. (7 điểm):**

Kiểm tra các kỹ năng cơ bản về lập trình, hiểu biết các câu lệnh và cấu trúc dữ liệu của ngôn ngữ lập trình để giải quyết bài toán không đòi hỏi các giải thuật đặc biệt.

**Bài 2. (7 điểm):**

Áp dụng các thuật toán cơ bản như sắp xếp, tìm kiếm hoặc bài toán không đòi hỏi các thuật toán đặc biệt nhưng phải lập trình phức tạp hơn bài 1.

**Bài 3. (6 điểm):**

Các thuật toán cơ bản (ví dụ như sắp xếp, tìm kiếm, ...) nhưng phải tổ chức dữ liệu một cách hợp lý để đảm bảo thời gian.